

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 01 - 2024

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Cẩm Nhung

Ông Bùi Quang Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1973; địa chỉ: Hẻm A H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Hung Duy N1, sinh năm 1971; địa chỉ: D AlBert St S, St. P, MN E, Hoa Kỳ.

(Bà N có mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hung Duy N1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 08/11/2017, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi. Trước khi kết hôn, ông bà có tìm hiểu khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống với nhau tại Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận khoảng 01 tháng thì ông Hung Duy N1 trở về lại Mỹ để tiếp tục làm ăn, sinh sống. Ông Hung Duy N1 có hứa bảo lãnh bà sang Mỹ để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau nhưng ông Hung Duy N1 không làm thủ tục bảo lãnh bà sang Mỹ nên phát sinh mâu thuẫn,

từ tháng 5/2020 vợ chồng đã tự cắt đứt mọi liên lạc và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với ông Hung Duy N1. Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn ông Hung Duy N1 chứng thực do Ngoại trưởng bang M tại St. P, Minnesota chứng nhận ngày 14/11/2023: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ N có đăng ký kết hôn ngày 08/11/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trước khi kết hôn ông bà có thời gian tìm hiểu nhau thông qua mạng xã hội khoảng 02 năm, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông trở về Hoa Kỳ để tiếp tục công việc. Thời gian này, ông bà vẫn liên lạc với nhau qua mạng xã hội và ông có làm thủ tục bảo lãnh để đưa bà N sang Mỹ để vợ chồng đoàn tụ nhưng trong thời gian chờ làm thủ tục thì giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm nên các bên không còn liên lạc. Từ tháng 5/2020 đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn ông Hung Duy N1 vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Hung Duy N1. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hung Duy N1, sinh năm 1968; địa chỉ: sinh năm 1989; địa chỉ: D AlBert St S, St. P, MN E, Hoa Kỳ. Nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H đã có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bản tự khai của ông H đã được chứng thực theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Hung Duy N1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông ông Hung Duy N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 08/11/2017. Đây là hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung được 01 tháng, sau đó ông H trở về Mỹ tiếp tục làm ăn sinh sống. Quá trình sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng thống nhất ông H về Hoa Kỳ sẽ tiến hành làm thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên trong thời gian làm thủ tục bảo lãnh thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên từ 5/2020 ông H cắt đứt mọi liên lạc với bà và không làm thủ tục bảo lãnh bà qua Mỹ và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà N, ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn và đều có nguyện vọng xin được thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do ông Hung Duy N1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 51, 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà N và ông H ly hôn.

Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Bà N và ông H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, 228, điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N2 và Tòa án nhân dân tối cao.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N. Cho bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Hung Duy N1 được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0003157 ngày 26/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bà N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Hung Duy N1 được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA (02);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Vân